Chi tiết mã HS 8408.20.96

Mã HS	8408.20.96
Mô tả hàng hóa	Động cơ đốt trong kiểu piston cháy do nén (động cơ diesel hoặc bán diesel) / - Động cơ dùng để tạo động lực cho các loại xe thuộc Chương 87: / - - Loại khác: / - - - Loại khác: / - - - - Dung tích xi lanh trên 3.500 cc
Đơn vị	chiếc
Thời điểm tạo	08/11/2026 11:07:00
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/84082096/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	22.5	22,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K12931
Thuế NK ưu đãi (MFN)	15	15%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N12931
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q12931
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	1,8	1,8%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	3	3%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AANZFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	5	5%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
RCEP (Phụ lục F)	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	15	15%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0/0	0 / 0 (nhiều mức)	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Cần diễn giải
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AKFTA	24	24%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AC!E12209
ATIGA	2022	2022	0	AT!E12152
ATIGA	2023	2023	0	AT!F12152
ATIGA	2024	2024	0	AT!G12152
ATIGA	2025	2025	0	AT!H12152
ATIGA	2026	2026	0	AT!I12152
ATIGA	2027	2027	0	AT!J12152
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	AJ!E12204
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	AJ!F12204
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	AJ!G12204

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	AJ!H12204
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	AJ!I12204
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	AJ!J12204
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	3	VJ!E12205
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	3	VJ!F12205
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	3	VJ!G12205
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	3	VJ!H12205
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	3	VJ!I12205
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	3	VJ!J12205
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		24	AK!F12208
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		5	AANZ!H12158
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F12164
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G12164
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H12164
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I12164
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J12164
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K12164
VKFTA	2022	2022	0	VK!E12197
VKFTA	2023	2023	0	VK!F12197
VKFTA	2024	2024	0	VK!G12197
VKFTA	2025	2025	0	VK!H12197
VKFTA	2026	2026	0	VK!I12197
VKFTA	2027	2027	0	VK!J12197
VCFTA	2022	2022	3	VC!D12242
VCFTA	2023	2023	3	VC!E12242
VCFTA	2024	2024	3	VC!F12242

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	3	VC!G12242
VCFTA	2026	2026	3	VC!H12242
VCFTA	2027	2027	3	VC!I12242
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D12227
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E12227
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F12227
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G12227
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H12227
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I12227
AHKFTA	2022	2022	*	AKH!D12227
AHKFTA	2023	2023	*	AKH!E12227
AHKFTA	2024	2024	*	AKH!F12227
AHKFTA	2025	2025	*	AKH!G12227
AHKFTA	2026	2026	*	AKH!H12227
AHKFTA	2027	2027	*	AKH!I12227
EVFTA	2022	2022	9,3	EV-NK!D12244
EVFTA	2023	2023	7,5	EV-NK!E12244
EVFTA	2024	2024	5,6	EV-NK!F12244
EVFTA	2025	2025	3,7	EV-NK!G12244
EVFTA	2026	2026	1,8	EV-NK!H12244
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I12244
UKVFTA	2022	2022	9,3	UKV!D12243
UKVFTA	2023	2023	7,5	UKV!E12243
UKVFTA	2024	2024	5,6	UKV!F12243
UKVFTA	2025	2025	3,7	UKV!G12243
UKVFTA	2026	2026	1,8	UKV!H12243

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I12243
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)		CPTPP!12217
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)		CPTPP!12217
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)		CPTPP!12217
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)		CPTPP!12217
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)		CPTPP!12217
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)		CPTPP!12217
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)		CPTPP!12217
RCEP A	2022	2022	15	RCEPT-A!D12227
RCEP A	2023	2023	15	RCEPT-A!E12227
RCEP A	2024	2024	15	RCEPT-A!F12227
RCEP A	2025	2025	15	RCEPT-A!G12227
RCEP A	2026	2026	15	RCEPT-A!H12227
RCEP A	2027	2027	15	RCEPT-A!I12227
RCEP B	2022	2022	15	B!D12227
RCEP B	2023	2023	15	B!E12227
RCEP B	2024	2024	15	B!F12227
RCEP B	2025	2025	15	B!G12227
RCEP B	2026	2026	15	B!H12227
RCEP B	2027	2027	15	B!I12227
RCEP C	2022	2022	15	C!D12227
RCEP C	2023	2023	15	C!E12227
RCEP C	2024	2024	15	C!F12227
RCEP C	2025	2025	15	C!G12227
RCEP C	2026	2026	15	C!H12227
RCEP C	2027	2027	15	C!I12227

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	15	D!D12226
RCEP D	2023	2023	15	D!E12226
RCEP D	2024	2024	15	D!F12226
RCEP D	2025	2025	15	D!G12226
RCEP D	2026	2026	15	D!H12226
RCEP D	2027	2027	15	D!I12226
RCEP E	2022	2022	15	E!D12230
RCEP E	2023	2023	15	E!E12230
RCEP E	2024	2024	15	E!F12230
RCEP E	2025	2025	15	E!G12230
RCEP E	2026	2026	15	E!H12230
RCEP E	2027	2027	15	E!I12230
RCEP F	2022	2022	15	F!D12227
RCEP F	2023	2023	15	F!E12227
RCEP F	2024	2024	15	F!F12227
RCEP F	2025	2025	15	F!G12227
RCEP F	2026	2026	15	F!H12227
RCEP F	2027	2027	15	F!I12227
VIFTA	2024	2024	15	VI!F11307
VIFTA	2025	2025	15	VI!G11307
VIFTA	2026	2026	15	VI!H11307
VIFTA	2027	2027	15	VI!I11307

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

FTA-013	YELLOW	Thuế FTA không thấp hơn MFN	RCEP (Phụ lục A) 15%, RCEP (Phụ lục B) 15%, RCEP (Phụ lục C) 15%, RCEP (Phụ lục D) 15%, RCEP (Phụ lục E) 15%, RCEP (Phụ lục F) 15%, VIFTA 15%, AKFTA 24%: thuế suất ưu đãi đặc biệt bằng hoặc cao hơn thuế MFN (15%) theo biểu nguồn – áp dụng FTA không mang lại tiết kiệm.	MFN 15%		Cân nhắc áp dụng thuế MFN (nếu nước xuất xứ đáp ứng điều kiện MFN) thay vì chuẩn bị chứng từ xuất xứ FTA.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 8408.20 có 8 dòng thuế; dòng 8408.20.96 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Dung tích xi lanh trên 3.500 cc.	8408.20.10 Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8701.10; 8408.20.21 Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc; 8408.20.22 Dung tích xi lanh trên 2.000 cc nhưng không quá 3.500 cc; 8408.20.23 Dung tích xi lanh trên 3.500 cc; 8408.20.93 Dùng cho xe thuộc phân nhóm 8701.10; 8408.20.94 Dung tích xi lanh không quá 2.000 cc	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
HS-005	BLUE	Có mã Chương 98 tương ứng	Mã 8408.20.96 có mã Chương 98 tương ứng 9849.21.19 (thuế MFN riêng: 0%). Chỉ áp dụng khi đáp ứng điều kiện của Chương 98.	- - - - Dung tích xi lanh trên 3.500 cc	26/2023/NĐ-CP	Đọc điều kiện tại Chương 98 (Nghị định 26/2023/NĐ-CP và sửa đổi).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 8408.20.96. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 15% của mã 8408.20.96 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N12931), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.